

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 02 năm 2021

(V/V Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH H**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Minh Đón – Nguyên bí thư Đoàn xã H

2. Ông Lê Xuân Thuật – Cán bộ hưu trí xã Y

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh Quy – Thư ký TAND huyện Y

- Đại diện VKSND huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang –
Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993; (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh H

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1993 (Vắng mặt);
HKTT: thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh H
Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2, trại giam Xuân Nguyên, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/6/2013;
Người đại diện hợp pháp cho cháu N: Chị Nguyễn Thị M (mẹ đẻ) (có mặt)

4. Người làm chứng:
Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: L, T, Y, H
Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1973; địa chỉ: Y, C, A, H
Bà L và bà M2 đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Nguyễn Thị M kết hôn với anh Nguyễn Văn Ng trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2013 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn xong chị M và anh Ng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn cãi chửi nhau và đã

chính thức sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, thời gian ly thân không ai quan tâm gì đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết của người đó. Chị M xin ly hôn, anh Ng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh Ng có một con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/6/2013. Hiện cháu đang ở với chị M. Ly hôn nguyện vọng chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Ng xác định hiện anh đang chấp hành án nhưng nguyện vọng vẫn xin được nuôi con chung và đề nghị Tòa án giao cho mẹ anh là bà Đỗ Thị L nuôi dưỡng. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: cả chị M và anh Ng đều không yêu cầu giải quyết.

Bà Đỗ Thị L trình bày: Việc kết hôn và mâu thuẫn, con chung của chị M và anh Ng như chị M trình bày, chị M xin ly hôn nguyện vọng của bà đề nghị giải quyết theo pháp luật. Việc anh Ng đề nghị được nuôi dưỡng con chung và nhờ bà nuôi dưỡng trong thời gian anh chấp hành án, bà cũng nhất trí và sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn ở, trông nom. Bà L xác định hiện bà nấu ăn tại trường mầm non nên công việc rất bận.

Bà Nguyễn Thị M2 trình bày: Việc kết hôn, con chung của chị M và anh Ng như chị M trình bày, bà xác định quá trình chung sống chị M và anh Ng thường đánh cãi chửi nhau, nhiều lần chị M về nhà bà với thương tích do anh Ng đánh nên nay chị M xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị M. Chị M và cháu N hiện đang sống với bà, nếu chị M được nuôi dưỡng con chung, bà sẽ tạo điều kiện chỗ ở và trông nom cháu N cùng chị M. Hiện chị M làm công nhân tại Công ty TNHH S Việt Nam mức thu nhập mỗi tháng là 10.437.577 đồng.

Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Ng và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Y xác định toàn bộ quá trình giải quyết, điều tra, xác minh vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Về phía các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Ng đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Nguyên, anh Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh, nên HĐXX, xét xử vắng mặt anh Ng là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị M khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết ly hôn anh Ng nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Ng là bị đơn cư trú tại xã T, huyện Y nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Y theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn Ng kết hôn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 07/01/2013 tại số 05, quyển sổ 01/2013 nên hôn nhân của chị M và anh Ng là hợp pháp. Quá trình chung sống chị M và anh Ng hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, anh Ng chơi bời, nghiện ma túy và đã vi phạm pháp luật, khi chung sống với nhau thì thường xuyên đánh chửi chị M nên vợ chồng đã chính thức sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, thời gian ly thân không ai quan tâm gì đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết của người đó. Cả chị M và anh Ng đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị M xin ly hôn, anh Ng đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Ng đã trở lên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần xử cho chị M được ly hôn anh Ng là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh Ng có một con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/6/2013. Hiện cháu đang ở với chị M. Xét nguyện vọng của chị M và anh Ng về việc xin được nuôi con chung HĐXX thấy cả hai nguyện vọng đều chính đáng, tuy nhiên hiện nay anh Ng đang chấp hành án tại Trại giam nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu N được, mặt khác cháu N hiện đang ở với chị M điều kiện cuộc sống ổn định, hiện chị M làm công nhân tại Công ty TNHH S Việt Nam mức thu nhập mỗi tháng là 10.437.577 đồng nên cần giao cháu N cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M là đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Bảo N.

Vì lợi ích của con chung chị M và anh Ng, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ng có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: chị M và anh Ng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. xử:

2. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn Ng.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 08/6/2013 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị M là đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Bảo N.

Vì lợi ích của con chung chị M và anh Ngọc, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ng có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003396 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, chị M đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- THA huyện Y;
- TAND tỉnh H;
- UBND xã T ;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên